

SỞ KHẨU VÀ ĐT. TỈNH. ĐN	
ĐẾN Ngày	Số: 01/13/2018
Chuyển:	

CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP ĐỒNG NAI	
ĐẾN Ngày:	Số: 28/12/2018
Chuyển:	

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XÔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ
DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số thuế : 3600299669



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Công ty

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai theo Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4704000536 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 08 năm 2008, đã đăng ký thay đổi lần 8 vào ngày 02 tháng 11 năm 2016.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 3 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Xí nghiệp In Đồng Nai là đơn vị trực thuộc của Công ty được đặt tại số 48 đường Nguyễn Văn Trị, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Do hoạt động không hiệu quả, thua lỗ kéo dài và sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cho việc giải thể theo công văn 6456/UBND-KT ngày 05 tháng 07 năm 2017, vào tháng 08 năm 2017, Chủ tịch Công ty đã ra quyết định giải thể Xí nghiệp In Đồng Nai và đến ngày 23 tháng 10 năm 2017, việc giải thể Xí nghiệp này đã hoàn tất.

Trong năm 2017, hoạt động chủ yếu của Công ty là xổ số kiến thiết; dịch vụ in; dịch vụ thương mại, kinh doanh bất động sản, dịch vụ quảng cáo.

2. Chủ tịch Công ty, các thành viên của Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Công ty, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Chủ tịch Công ty

Ông Phạm Minh Đạo Chủ tịch

Ban Giám đốc và kế toán trưởng

Ông Nguyễn Công Đức	Tổng Giám đốc
Ông Phan Hữu Giồng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Anh Thư	Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng	
Ông Huỳnh Văn Thạnh	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2017
Bà Phạm Nguyễn Thùy Vân	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2017

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

005
NH
TNH
BÁN
LÝ MINH
ÔC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

5. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tuỳ thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kê toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

6. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chủ tịch Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Ông PHẠM MINH ĐẠO
Chủ tịch Công ty
Đồng Nai, ngày 27 tháng 2 năm 2018

Số : DNLOT/038.HCM.17

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 2 năm 2018 từ trang 5 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại mục 4.5 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 trong số dư phải thu khác bao gồm 56 tỷ VND là khoản phải thu Công ty cổ phần Bóng đá Đồng Nai phát sinh trên 3 năm nhưng đến nay chưa thu hồi được và khoản phải thu này chưa được lập dự phòng. Nếu khoản phải thu khó đòi này được lập dự phòng toàn bộ trong năm 2017 thì làm cho lợi nhuận trước thuế giảm đi tương ứng là 56 tỷ VND.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3.10 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Hiện tại, quỹ lương thực hiện năm 2017 của Công ty chưa được quyết toán, phê duyệt và thông qua bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi khi có quyết toán quỹ lương mà số quyết toán có sự khác biệt với số đã tạm tính và ghi nhận trong báo cáo.



NGUYỄN THỊ THANH
Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0185-2018-038-1

TRẦN THỊ MAI HƯƠNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0417-2018-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 2 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
TÀI SẢN				
TAI SAN NGAN HAN	100		1.875.216.797.516	1.665.684.926.407
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	197.447.056.000	113.916.096.840
Tiền	111		104.725.389.333	113.916.096.840
Các khoản tương đương tiền	112		92.721.666.667	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	1.362.253.181.822	1.240.892.077.300
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.362.253.181.822	1.240.892.077.300
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		303.840.050.178	299.764.936.576
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	210.233.540.861	217.517.000.623
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.248.306.280	367.182.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	91.358.203.037	81.896.330.053
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	-	(15.576.100)
Hàng tồn kho	140	4.6	9.176.479.782	9.231.343.941
Hàng tồn kho	141		9.176.479.782	9.231.343.941
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.500.029.734	1.880.471.750
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		821.378.400	1.095.404.170
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	1.528.651.334	785.067.580
Tài sản ngắn hạn khác	155		150.000.000	-
TAI SAN DÀI HẠN	200		31.794.650.020	221.146.327.647
Tài sản cố định	220		20.233.540.805	29.187.482.428
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	20.227.707.465	29.187.482.428
Nguyên giá	222		48.020.114.378	54.895.963.313
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.792.406.913)	(25.708.480.885)
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	5.833.340	-
Nguyên giá	228		215.000.000	180.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(209.166.660)	(180.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	4.9	7.126.103.280	7.523.839.284
Nguyên giá	231		10.257.320.127	10.257.320.127
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.131.216.847)	(2.733.480.843)
Tài sản dở dang dài hạn	240	4.10	4.287.459.935	4.287.459.935
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.287.459.935	4.287.459.935
Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	147.546.000	180.147.546.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	253		147.546.000	180.147.546.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.907.011.447.536	1.886.831.254.054

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		707.011.447.536	686.831.254.054
Nợ ngắn hạn	310		706.562.447.536	686.681.254.054
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.222.753.000	1.090.753.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	15.524.094.550	13.527.610.200
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	4.12	435.611.777.194	524.763.963.501
Phải trả người lao động	314		4.981.463.818	5.310.481.628
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		35.000.000	42.407.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	21.644.795.830	18.648.652.750
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	100.000.000.000	-
Dự phòng rủi ro trả thường	321	4.15	118.628.717.700	114.672.499.500
Quý khen thưởng và phúc lợi	322	4.16	8.913.845.444	8.624.886.475
Nợ dài hạn	330		449.000.000	150.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		449.000.000	150.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.17	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	410		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.907.011.447.536	1.886.831.254.054



NGUYỄN CÔNG ĐỨC

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 2 năm 2018

LÊ ANH THƯ

Kế toán trưởng

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.620.250.999.123	3.483.228.481.099
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		471.770.005.138	453.250.986.166
Doanh thu thuần	10	5.1	3.148.480.993.985	3.029.977.494.933
Giá vốn hàng bán	11	5.2	2.600.904.051.027	2.502.963.812.028
Lợi nhuận gộp	20		547.576.942.958	527.013.682.905
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	173.489.938.810	85.991.866.722
Chi phí tài chính	22	5.4	1.481.410.777	1.510.283.076
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.481.410.777	1.510.283.076
Chi phí bán hàng	25	5.5	276.609.573	563.108.469
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	50.959.110.445	56.756.288.501
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		668.349.750.973	554.175.869.581
Thu nhập khác	31	5.7	2.010.298.519	772.659.090
Chi phí khác	32	5.8	4.722.935.090	88.518.863
Lợi nhuận khác	40		(2.712.636.571)	684.140.227
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		665.637.114.402	554.860.009.808
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	133.876.915.750	107.381.449.825
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		531.760.198.652	447.478.559.983



NGUYỄN CÔNG ĐỨC
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 27 tháng 2 năm 2018

LÊ ANH THƯ
Kế toán trưởng

57-0
HÂN
Y TI
TOÁ
O CHÍ
HOA

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	665.637.114.402	554.860.009.808
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khäu hao tài sản cố định	02	6.438.369.029	2.710.643.583
Các khoản dự phòng	03	3.956.218.200	3.969.152.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(171.422.374.072)	(86.598.275.812)
Chi phí lãi vay	06	1.481.410.777	1.510.283.076
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	506.090.738.336	476.451.812.655
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	5.696.703.329	(17.545.921.501)
Giảm hàng tồn kho	10	54.864.159	111.863.530
Tăng các khoản phải trả	11	17.439.978.604	9.254.803.749
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	274.025.770	(165.631.065)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.481.410.777)	(1.510.283.076)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(120.046.282.973)	(92.446.447.499)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	2.420.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.550.674.199)	(2.962.209.147)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	402.477.942.249	371.190.407.646
LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(274.220.000)	(11.809.391.999)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.690.802.900	606.409.090
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(121.361.104.522)	(121.233.248.523)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	276.855.698.560	-
Tiền thu lãi cho vay, cỗ tức và lợi nhuận được chia	27	66.440.584.279	80.228.922.220
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	223.351.761.217	(52.207.309.212)
LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	228.718.652.048	121.736.922.391
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(128.718.652.048)	(121.736.922.391)
Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu (*)	36	(642.298.744.306)	(406.105.055.802)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(542.298.744.306)	(406.105.055.802)
LƯU CHUYỀN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	50	83.530.959.160	(87.121.957.368)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	60	113.916.096.840	201.038.054.208
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	197.447.056.000	113.916.096.840

(*) Nộp phần lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp và trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi về ngân sách Nhà nước.

**NGUYỄN CÔNG ĐỨC**

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 2 năm 2018

LÊ ANH THƯ
Kế toán trưởng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai theo Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3600299669 (số cũ là 4704000536) đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 8 năm 2008, đã đăng ký thay đổi lần 8 vào ngày 2 tháng 11 năm 2016.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 3 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Xí nghiệp In Đồng Nai là đơn vị trực thuộc của Công ty được đặt tại số 48 đường Nguyễn Văn Tri, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Do hoạt động không hiệu quả, thua lỗ kéo dài và sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cho việc giải thể theo công văn 6456/UBND-KT ngày 5 tháng 7 năm 2017, vào tháng 8 năm 2017, Chủ tịch Công ty đã ra quyết định giải thể Xí nghiệp In Đồng Nai và đến ngày 23 tháng 10 năm 2017, việc giải thể Xí nghiệp này đã hoàn tất.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là xổ số kiến thiết; dịch vụ in : in vé số, in offset, in bao bì, in sách, báo, tem, nhãn, biểu mẫu, chứng từ và văn hóa phẩm; dịch vụ thương mại, khách sạn và ăn uống; xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư; xuất nhập khẩu máy móc thiết bị ngành in, xổ số; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo.

Trong năm 2017, hoạt động chủ yếu của Công ty là xổ số kiến thiết.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 93 người (2016 là 118 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đối với công ty xổ số kiến thiết quy định tại Thông tư số 168/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 19 tháng 8 năm 2009 và các quy định có liên quan.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Đối với hoạt động xổ số : Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 4 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, công nợ của đại lý được xác định theo giá trị tiền vé đã tiêu thụ được trong kỳ, tối đa không quá 21 ngày (3 tuần) kể từ ngày nhận vé bán; Công ty ủy quyền cho đại lý trả thưởng tối đa các giải thưởng có giá trị từ giải nhất trở xuống, mức phí ủy quyền không được vượt quá 0,2% trên tổng giá trị giải thưởng đại lý đã thanh toán theo ủy quyền; Thời hạn lưu trữ đối với các loại vé, cuống vé không tiêu thụ hết tối thiểu là 37 ngày (30 ngày trong thời hạn lãnh thưởng của vé số và 7 ngày kể từ ngày hết thời hạn lãnh thưởng của vé số).

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao nhanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 3,5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 5 năm
Thiết bị văn phòng	2,5 - 4 năm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

3.5 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

3.6 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư bao gồm :

- Nhà tại số 92-94 đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Nhà Trạm giao dịch số 148 – 154 đường Lê Hồng Phong, phường 3, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (cho Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam thuê 50% mặt bằng).

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra tính đến thời điểm xây dựng hoàn thành bất động sản đó.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản là 25 năm.

3.8 Đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (trên 3 tháng đến 12 tháng).

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư trái phiếu, đầu tư cổ phiếu hoặc đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), . . và thời hạn dự kiến thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm.

Đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, khoản tiền lãi phát sinh từ các khoản đầu tư này được ghi nhận vào khoản mục doanh thu tài chính và được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Đối với hoạt động xổ số : Theo công văn số 15230/BTC-TCNH ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc ấn định doanh số phát hành xổ số truyền thống tối đa cho từng kỳ đối với Công ty là 80 tỷ đồng/kỳ vé; từ ngày 1 tháng 10 năm 2017, theo công văn số 8101/BTC-TCNH ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc tăng hạn mức doanh số phát hành xổ số truyền thống cho từng kỳ, doanh số phát hành vé số truyền thống của Công ty là 90 tỷ đồng/kỳ vé. Và theo công văn số 16480/BTC-TCNH ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính thì các kỳ vé tết thì được tăng doanh số phát hành 10 tỷ đồng/kỳ vé cho 4 kỳ vé xuân trong dịp tết Nguyên đán năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

3.10 Quỹ tiền lương thực hiện

Quỹ tiền lương thực hiện trong năm của Công ty bao gồm tiền lương của người lao động, tiền lương người quản lý chuyên trách và thù lao người quản lý không chuyên trách được trích theo quy định hiện hành đối với tiền lương, tiền thưởng của người lao động, người quản lý và kiểm soát viên trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Tuy nhiên, đến nay các cơ quan có thẩm quyền chưa thông qua và phê duyệt cho quỹ lương thực hiện năm 2017.

3.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.12 Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định hiện hành về cơ cấu giải thưởng vé số truyền thống, từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, giải đặc biệt 6 chữ số tăng lên 2 tỷ đồng.

Dự phòng rủi ro trả thưởng được ghi nhận theo hướng dẫn của Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 2 tháng 1 năm 2014 của Bộ Tài chính đối với công ty xổ số kiến thiết như sau :

- Điều kiện được trích lập dự phòng trả thưởng: Trong năm tài chính tỷ lệ trả thưởng thực tế của công ty nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng.
- Mức trích lập hàng năm phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đối với các công ty xổ số miền Nam không được vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong năm vượt giới hạn trên, Công ty phải dừng trích lập cho đến khi số dư thấp hơn giới hạn cho phép. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.
- Công ty sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÓ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

3.13 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty cổ phần Bóng Đá Đồng Nai	Đồng Nai - Việt Nam	Đầu tư vốn

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÀNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Tiền mặt - VND	1.262.151.824	5.858.221.491
Tiền gửi ngân hàng - VND	103.463.237.509	108.057.875.349
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng - VND	92.721.666.667	-
	<u>197.447.056.000</u>	<u>113.916.096.840</u>

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của Công ty tại các ngân hàng như sau:

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
NH TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB) - CN Đồng Nai	50.408.000.000	91.283.000.000
NH Công Thương - CN Đồng Nai	177.000.000.000	267.500.000.000
NH Công Thương - Khu công nghiệp Biên Hòa	15.000.000.000	15.000.000.000
NH Đầu tư phát triển - CN Ba tháng hai	183.000.000.000	152.000.000.000
NH Đầu tư phát triển - CN Nam Đồng Nai	16.360.000.000	38.963.000.000
NH Đầu tư Phát triển - CN Đồng Nai	87.000.000.000	102.366.013.000
NH Đầu tư Phát triển - CN Biên Hòa	68.500.000.000	77.563.898.500
NH Đầu tư Phát triển - Gia Định	37.000.000.000	78.636.000.000
NH Đầu tư Phát triển - Đồng Đồng Nai	15.000.000.000	20.500.000.000
NH Đầu tư Phát triển - CN Sài Gòn	82.000.000.000	78.600.000.000
NH Đầu tư Phát triển - CN Hàm Nghi	47.000.000.000	62.000.000.000
NH TMCP Phát triển TP.HCM - CN Đồng Nai	-	9.000.000.000
NH TMCP Phát triển TP.HCM - CN SGD Đồng Nai	60.000.000.000	10.000.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai	45.546.742.000	38.266.685.000
NH TMCP Sài Gòn (SCB)	192.207.000.000	100.903.000.000
NH Nông nghiệp PTNT Đồng Nai	5.204.261.600	4.909.680.800
NH Nông nghiệp PTNT CN Sài Gòn	50.000.000.000	-
NH TMCP Đông Á - CN Đồng Nai	-	10.000.000.000
NH TMCP Liên Việt - CN Đồng Nai	52.197.178.222	39.130.800.000
NH Ngoại Thương - CN Đồng Nai	70.000.000.000	31.320.000.000
NH Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	13.830.000.000	12.950.000.000
NH TMCP An Bình – CN Đồng Nai	40.000.000.000	-
NH TMCP Phương Đông OCB (OCB Hội sở)	55.000.000.000	-
	<u>1.362.253.181.822</u>	<u>1.240.892.077.300</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
<i>Giá gốc:</i>		
Đầu tư vào Công ty CP Bóng đá Đồng Nai (b.1)	10.000.000.000	10.000.000.000
Mua 11.710 cổ phiếu Công ty cổ phần in số 4, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu	147.546.000	147.546.000
Mua 18.000.000 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HD Bank), mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (b.2)	-	180.000.000.000
	10.147.546.000	190.147.546.000
<i>Dự phòng:</i>		
Đầu tư vào Công ty CP Bóng đá Đồng Nai (b.1)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
<i>Giá trị thuần</i>	147.546.000	180.147.546.000

(b.1) : Đây là giá trị khoản góp vốn vào Công ty cổ phần Bóng đá Đồng Nai (chiếm 50% vốn điều lệ) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3600878923 ngày 16 tháng 3 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 14 tháng 8 năm 2012. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh các hoạt động trong lĩnh vực bóng đá. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, công ty này đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể doanh nghiệp, và Công ty đã thực hiện lập dự phòng tổn thất cho toàn bộ giá trị khoản đầu tư này là 10 tỷ VND.

(b.2) : Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn tại HD Bank mà Công ty đang nắm giữ theo phương thức bán đấu giá công khai thông qua Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và được chấp thuận bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 13 tháng 6 năm 2017. Đến ngày 21 tháng 8 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 18 triệu cổ phiếu HD Bank và số tiền thu được là 277.426.537.600 VND.

4.3 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Phải thu khách hàng – Công ty Xổ số	210.233.540.861	216.751.181.500
Phải thu khách hàng – Xí nghiệp In	-	765.819.123
	210.233.540.861	217.517.000.623
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi - Xí nghiệp In	-	(15.576.100)
<i>Giá trị thuần</i>	210.233.540.861	217.501.424.523

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản phải thu khách hàng tại Công ty Xổ số chủ yếu gồm nợ của 57 đại lý vé số là 210.113.122.500 VND và các đại lý này đã thế chấp ký phiếu với giá trị là 162.077.634.985 VND và ngân hàng bảo lãnh với giá trị là 54.100.000.000 VND đạt tỷ lệ 102,89%.

Tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau :

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	15.576.100	15.576.100
Xóa nợ	(15.576.100)	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	15.576.100

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SỐ KIÊN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Trả trước cho tư vấn thiết kế - Dự án nhà máy in	364.102.000	364.102.000
Trả trước cho nhà thầu sửa chữa Công ty	1.884.204.280	-
Khác	-	3.080.000
	2.248.306.280	367.182.000

4.5 Phải thu khác

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Lãi dự thu - tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	35.249.716.660	25.626.899.729
Công ty cổ phần bóng đá Đồng Nai mượn tiền –		
bên liên quan/ không tính lãi	56.000.000.000	56.000.000.000
Úng tiền cho Ban kiểm soát	105.367.766	107.974.383
Phải thu khác	3.118.611	161.455.941
	91.358.203.037	81.896.330.053

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.170.000	80.782.873
Giấy in vé số tồn kho	6.989.775.191	7.233.053.362
Nhiên liệu	5.817.818	27.568.497
Công cụ, dụng cụ	-	4.848.300
Thành phẩm vé số truyền thống tồn kho	2.160.716.773	1.885.090.909
	9.176.479.782	9.231.343.941

4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiêng trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Công VND
--	-----------------------------------	----------------------------	-------------------------------	------------------------------	-------------

Nguyên giá

Vào ngày 01/01/2017	24.498.277.348	23.381.620.381	6.769.000.642	247.064.942	54.895.963.313
Tăng trong năm	-	-	-	239.220.000	239.220.000
Thanh lý trong năm	-	(6.580.775.844)	(534.293.091)	-	(7.115.068.935)
Vào ngày 31/12/2017	24.498.277.348	16.800.844.537	6.234.707.551	486.284.942	48.020.114.378

Giá trị hao mòn lũy kế

Vào ngày 01/01/2017	9.777.432.775	11.744.396.504	3.939.586.664	247.064.942	25.708.480.885
Khấu hao trong năm	851.684.004	3.850.060.503	1.225.674.858	84.047.000	6.011.466.365
Thanh lý trong năm	-	(3.480.314.763)	(447.225.574)	-	(3.927.540.337)
Vào ngày 31/12/2017	10.629.116.779	12.114.142.244	4.718.035.948	331.111.942	27.792.406.913

Giá trị còn lại

Vào ngày 01/01/2017	14.720.844.573	11.637.223.877	2.829.413.978	-	29.187.482.428
Vào ngày 31/12/2017	13.869.160.569	4.686.702.293	1.516.671.603	155.173.000	20.227.707.465

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng là 14.653.565.075 VND (31 tháng 12 năm 2016 là 16.791.089.646 VND).

Trong năm 2017, Công ty đã thanh lý máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Xí nghiệp In Đồng Nai với giá trị còn lại khi thanh lý là 3.187.528.598 VND và giá thu hồi là 1.690.802.900 VND.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.8 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm VND
<i>Nguyên giá</i>	
Vào ngày 01/01/2017	180.000.000
Tăng trong năm	35.000.000
Vào ngày 31/12/2017	<u>215.000.000</u>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	
Vào ngày 01/01/2017	180.000.000
Khấu hao trong năm	29.166.660
Vào ngày 31/12/2017	<u>209.166.660</u>
<i>Giá trị còn lại</i>	
Vào ngày 01/01/2017	-
Vào ngày 31/12/2017	<u>5.833.340</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 180.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 180.000.000 VND).

4.9 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

	Nhà VND
<i>Nguyên giá</i>	
Vào ngày 01/01/2017	10.257.320.127
Vào ngày 31/12/2017	<u>10.257.320.127</u>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	
Vào ngày 01/01/2017	2.733.480.843
Khấu hao trong năm	397.736.004
Vào ngày 31/12/2017	<u>3.131.216.847</u>
<i>Giá trị còn lại</i>	
Vào ngày 01/01/2017	7.523.839.284
Vào ngày 31/12/2017	<u>7.126.103.280</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 313.920.152 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 313.920.152 VND).

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Dự án Nhà máy In	4.285.483.035	4.285.483.035
Khác	1.976.900	1.976.900
	<u>4.287.459.935</u>	<u>4.287.459.935</u>

4.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Công ty Xô sô	15.524.094.550	13.514.594.200
Xí nghiệp In	-	13.016.000
	<u>15.524.094.550</u>	<u>13.527.610.200</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp/ (phải thu) đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp/ (phải thu) cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	24.543.624.478	357.924.630.941	(352.349.588.075)	30.118.667.344
Thuế tiêu thụ đặc biệt	32.380.728.854	471.770.005.138	(464.760.771.937)	39.389.962.055
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.046.282.973	133.876.915.750	(120.046.282.973)	27.876.915.750
Phải nộp lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp và trích lập các quỹ	442.298.744.306	525.920.565.484	(642.298.744.306)	325.920.565.484
Thuế thu nhập người trúng thưởng	9.417.000.000	104.675.380.000	(104.330.250.000)	9.762.130.000
Thuế thu nhập hoa hồng đại lý	2.077.582.890	29.951.440.138	(29.506.268.461)	2.522.754.567
Thuế thu nhập cá nhân – Nhân viên Công ty	(668.042.274)	1.554.512.222	(2.382.166.316)	(1.495.696.368)
Tiền thuê đất	(117.025.306)	126.454.894	(21.602.560)	(12.172.972)
Lệ phí môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	523.978.895.921	1.625.803.904.567	(1.715.699.674.628)	434.083.125.860
Trong đó:				
Phải nộp	524.763.963.501			435.611.777.194
Phải thu	785.067.580			1.528.651.334

4.13 Phải trả khác

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Hoa hồng và ủy quyền trả thưởng phải trả các đại lý	21.644.795.830	18.646.304.250
Phải trả khác	-	2.348.500
	21.644.795.830	18.648.652.750

4.14 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Vay ngân hàng	100.000.000.000	-

Đây là khoản vay ngắn hạn không có đảm bảo bằng tài sản tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 6,7%/năm và thời hạn vay không quá 6 tháng.

Tình hình biến động khoản vay trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn VND	Vay thầu chi VND	Cộng VND
Số dư đầu năm	-	-	-
Vay trong năm	100.000.000.000	128.718.652.048	228.718.652.048
Trả trong năm	-	(128.718.652.048)	(128.718.652.048)
Số dư cuối năm	100.000.000.000	-	100.000.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.15 Dự phòng rủi ro trả thưởng

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	114.672.499.500	110.703.347.500
Trích lập quỹ trả thưởng trong năm	3.956.218.200	3.969.152.000
Số dư cuối năm	118.628.717.700	114.672.499.500

4.16 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	8.624.886.475	6.587.372.060
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	5.839.633.168	4.997.303.562
Nhận từ ban thi đua khen thưởng cấp tỉnh	-	2.420.000
Sử dụng quỹ trong năm	(5.550.674.199)	(2.962.209.147)
Số dư cuối năm	8.913.845.444	8.624.886.475

4.17 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước			
Số dư 01/01/2016	1.200.000.000.000	(182.512.115)	1.199.817.487.885
Lợi nhuận trong năm	-	447.478.559.983	447.478.559.983
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(4.997.303.562)	(4.997.303.562)
Nộp lợi nhuận còn lại cho ngân sách	-	(442.298.744.306)	(442.298.744.306)
Số dư 31/12/2016	1.200.000.000.000	-	1.200.000.000.000
Năm nay			
Số dư 01/01/2017	1.200.000.000.000	-	1.200.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	531.760.198.652	531.760.198.652
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(5.839.633.168)	(5.839.633.168)
Nộp lợi nhuận còn lại cho ngân sách	-	(525.920.565.484)	(525.920.565.484)
Số dư 31/12/2017	1.200.000.000.000	-	1.200.000.000.000

Theo Điều lệ của Công ty, vốn điều lệ của Công ty là 1.200 tỷ VND. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn đầu tư của chủ sở hữu là 1.200 tỷ VND.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu		
Công ty Xổ Số	3.618.037.014.547	3.476.031.549.531
Xí Nghiệp In	2.213.984.576	7.196.931.568
	3.620.250.999.123	3.483.228.481.099
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(471.770.005.138)	(453.250.986.166)
Doanh thu thuần	3.148.480.993.985	3.029.977.494.933

Doanh thu của Công ty Xổ số bao gồm :

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán vé số truyền thống	3.594.809.627.273	3.474.924.227.272
Doanh thu bán vé số tự chọn	22.093.745.454	-
Doanh thu bán phế liệu	231.823.638	302.776.800
Doanh thu cho thuê bất động sản	656.363.636	600.000.004
Dịch vụ nhắn tin kết quả xổ số	245.454.546	204.545.455
	3.618.037.014.547	3.476.031.549.531

Doanh thu bán vé số :

Vé số truyền thống	
- loại 10.000 đồng x 395.429.059 vé /1,1 =	3.594.809.627.273
Vé số tự chọn	
- loại 10.000 đồng x 269.075 vé /1,1 =	2.446.136.364
- loại 20.000 đồng x 352.476 vé /1,1 =	6.408.654.545
- loại 50.000 đồng x 291.257 vé /1,1 =	13.238.954.545

Doanh thu của Xí nghiệp In gồm :

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu dịch vụ in	2.213.984.576	7.173.995.204
Doanh thu bán phế liệu	-	22.936.364
	2.213.984.576	7.196.931.568

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.2 Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Công ty Xổ Số	2.599.012.527.214	2.497.643.147.387
Xí Nghiệp In	1.891.523.813	5.320.664.641
	2.600.904.051.027	2.502.963.812.028

Giá vốn tại Công ty Xổ số bao gồm :

	2017 VND	2016 VND
Chi phí trả thưởng	1.958.380.325.000	1.882.160.000.000
Chi phí trực tiếp phát hành vé xổ số :		
Chi phí tiền vé	640.234.466.210	615.085.411.383
Hoa hồng đại lý 15%/doanh thu thực tế	34.070.258.318	33.111.524.453
Dự phòng rủi ro trả thưởng	596.789.056.500	573.362.497.500
Chi phí 0,2% thù lao ủy quyền đại lý trả thưởng	3.956.218.200	3.969.152.000
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	2.669.581.892	2.300.450.800
Chi phí quay số mở thưởng	559.427.272	550.727.272
Chi phí phòng chống số đề	724.700.000	653.350.000
Chi phí đóng góp cho Hội đồng Xổ số khu vực	161.000.000	130.000.000
Chi phí phát hành giao nhận vé	60.000.000	40.000.000
	1.244.224.028	967.709.358
Giá vốn hoạt động cho thuê bất động sản (khấu hao bất động sản đầu tư)	397.736.004	397.736.004
	2.599.012.527.214	2.497.643.147.387

Trong đó:

	Vé số truyền thống VND	Vé số tự chọn VND	Cộng VND
Chi phí trả thưởng	1.941.853.700.000	16.526.625.000	1.958.380.325.000
Chi phí trực tiếp phát hành vé xổ số			
Chi phí tiền vé	34.010.181.818	60.076.500	34.070.258.318
Hoa hồng đại lý 15%	593.143.588.500	3.645.468.000	596.789.056.500
Dự phòng rủi ro trả thưởng	3.956.218.200	-	3.956.218.200
0,2% thù lao ủy quyền đại lý trả thưởng	2.637.958.300	31.623.592	2.669.581.892
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	559.427.272	-	559.427.272
Chi phí quay số mở thưởng	724.700.000	-	724.700.000
Chi phí phòng chống số đề	161.000.000	-	161.000.000
Chi phí đóng góp cho HĐXS khu vực	60.000.000	-	60.000.000
Chi phí phát hành giao nhận vé	1.019.624.028	224.600.000	1.244.224.028
	2.578.126.398.118	20.488.393.092	2.598.614.791.210

Giá vốn tại Xí nghiệp In bao gồm :

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	793.132.602	2.460.356.045
Chi phí nhân công	455.327.064	1.278.502.394
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.697.464	343.046.196
Chi phí gia công	87.194.372	674.468.880
Chi phí khác	327.172.311	564.291.126
	1.891.523.813	5.320.664.641

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SÓ KIÊN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng		
Công ty Xô số	76.028.271.210	67.935.726.080
Xí nghiệp In	-	21.010.642
Cổ tức được chia	35.130.000	18.035.130.000
Lãi chuyển nhượng cổ phiếu HD Bank	97.426.537.600	-
	173.489.938.810	85.991.866.722

5.4 Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi vay ngân hàng	1.481.410.777	1.510.283.076

5.5 Chi phí bán hàng

Đây là khoản chi phí bán hàng của Xí nghiệp In Đồng Nai, trong đó :

	2017 VND	2016 VND
Chi phí tạo việc làm	50.848.000	158.533.250
Chi phí giao dịch khách hàng	199.869.727	374.880.000
Chi phí khác	25.891.846	29.695.219
	276.609.573	563.108.469

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	27.004.225.118	24.241.068.409
Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	848.441.369	984.887.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.478.346.478	1.969.861.383
Thuế, phí lệ phí	117.194.486	116.940.857
Chi trợ cấp thôi việc	27.168.750	78.855.775
Chi phí quảng cáo	3.412.983.156	18.741.909.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.007.319.550	1.377.039.771
Các chi phí khác	12.063.431.538	9.245.726.203
	50.959.110.445	56.756.288.501

5.7 Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Thu bán nguyên liệu, vật tư	113.647.100	-
Thu thanh lý tài sản cố định	1.690.802.900	606.409.090
Thu hỗ trợ thanh lý vé số cho các tỉnh	146.745.454	165.250.000
Thu chênh lệch vé tự chọn	26.849.200	-
Thu khác	32.253.865	1.000.000
	2.010.298.519	772.659.090

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Giá trị còn lại của tài sản Xí nghiệp In thanh lý Nguyên liệu, vật tư Xí nghiệp In thanh lý	3.187.528.598	-
Chi trợ cấp thôi việc và lương cho nhân viên Xí nghiệp In khi giải thể	115.230.662	-
Khấu hao tài sản Xí nghiệp In	940.340.741	-
Chi phí khác liên quan đến giải thể Xí nghiệp In	333.589.083	-
Chi phí khác	43.665.759	-
	102.580.247	88.518.863
	4.722.935.090	88.518.863

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	665.637.114.402	554.860.009.808
Các khoản điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận trước thuế khi xác định thu nhập chịu thuế :		
Chi phí không được khấu trừ	3.782.594.349	82.369.318
Thu nhập không chịu thuế (cỗ tức được chia)	(35.130.000)	(18.035.130.000)
Lợi nhuận tính thuế	669.384.578.751	536.907.249.126
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	133.876.915.750	107.381.449.825

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1 Số dư với bên có liên quan

Số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Công ty cổ phần Bóng đá Đồng Nai	Phải thu tiền cho mượn	56.000.000.000	56.000.000.000

6.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN CÔNG ĐỨC
 Tổng Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 27 tháng 2 năm 2018

LÊ ANH THƯ
 Kế toán trưởng

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuýết minh	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.875.216.797.516	1.660.888.689.771
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		197.447.056.000	110.143.931.939
Tiền	111		104.725.389.333	110.143.931.939
Các khoản tương đương tiền	112		92.721.666.667	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.362.253.181.822	1.240.892.077.300
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.362.253.181.822	1.240.892.077.300
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		303.840.050.178	299.000.529.409
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		210.233.540.861	216.751.181.500
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.248.306.280	367.182.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		91.358.203.037	81.882.165.909
Hàng tồn kho	140		9.176.479.782	8.971.679.373
Hàng tồn kho	141		9.176.479.782	8.971.679.373
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.500.029.734	1.880.471.750
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		821.378.400	1.095.404.170
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.528.651.334	785.067.580
Tài sản ngắn hạn khác	155		150.000.000	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.794.650.020	226.622.292.081
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	9.257.748.428
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	9.257.748.428
Tài sản cố định	220		20.233.540.805	25.405.698.434
Tài sản cố định hữu hình	221		20.227.707.465	25.405.698.434
Nguyên giá	222		48.020.114.378	47.332.501.807
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.792.406.913)	(21.926.803.373)
Tài sản cố định vô hình	227		5.833.340	-
Nguyên giá	228		215.000.000	180.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(209.166.660)	(180.000.000)
Bất động sản đầu tư	230		7.126.103.280	7.523.839.284
Nguyên giá	231		10.257.320.127	10.257.320.127
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.131.216.847)	(2.733.480.843)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.287.459.935	4.287.459.935
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.287.459.935	4.287.459.935
Đầu tư tài chính dài hạn	250		147.546.000	180.147.546.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	253		147.546.000	180.147.546.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.907.011.447.536	1.887.510.981.852

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuýết minh	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		707.011.447.536	687.510.981.852
Nợ ngắn hạn	310		706.562.447.536	687.360.981.852
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.222.753.000	1.090.753.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.524.094.550	13.514.594.200
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		435.611.777.194	524.763.963.501
Phải trả người lao động	314		4.981.463.818	5.246.774.248
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		35.000.000	35.000.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	768.626.678
Phải trả ngắn hạn khác	319		21.644.795.830	18.646.304.250
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		100.000.000.000	-
Dự phòng rủi ro trả thường	321		118.628.717.700	114.672.499.500
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		8.913.845.444	8.622.466.475
Nợ dài hạn	330		449.000.000	150.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		449.000.000	150.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	410		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.907.011.447.536	1.887.510.981.852

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.618.037.014.547	3.476.031.549.531
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		471.770.005.138	453.250.986.166
Doanh thu thuần	10		3.146.267.009.409	3.022.780.563.365
Giá vốn hàng bán	11		2.599.012.527.214	2.497.643.147.387
Lợi nhuận gộp	20		547.254.482.195	525.137.415.978
Doanh thu hoạt động tài chính	21		173.478.637.489	85.970.856.080
Chi phí tài chính	22		1.481.410.777	1.510.283.076
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.481.410.777	1.510.283.076
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		50.023.314.711	55.289.809.318
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		669.228.394.196	554.308.179.664
Thu nhập khác	31		2.010.298.519	628.750.000
Chi phí khác	32		4.722.935.090	82.369.318
Lợi nhuận khác	40		(2.712.636.571)	546.380.682
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		666.515.757.625	554.854.560.346
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		133.876.915.750	107.381.449.825
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		532.638.841.875	447.473.110.521

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		-	5.564.863.314
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		-	3.772.164.901
Tiền	111		-	3.772.164.901
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		-	1.533.033.845
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	765.819.123
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			768.626.678
Phải thu ngắn hạn khác	136		-	14.164.144
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(15.576.100)
Hàng tồn kho	140		-	259.664.568
Hàng tồn kho	141		-	259.664.568
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	3.781.783.994
Tài sản cố định	220		-	3.781.783.994
Tài sản cố định hữu hình	221		-	3.781.783.994
Nguyên giá	222		-	7.563.461.506
Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(3.781.677.512)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		-	9.346.647.308
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		-	88.898.880
Nợ ngắn hạn	310		-	88.898.880
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	13.016.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	7.407.000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		-	2.420.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		-	9.257.748.428
Vốn chủ sở hữu	410		-	9.257.748.428
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			9.257.748.428
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		-	9.346.647.308

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.213.984.576	7.196.931.568
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		2.213.984.576	7.196.931.568
Giá vốn hàng bán	11		1.891.523.813	5.320.664.641
Lợi nhuận gộp	20		322.460.763	1.876.266.927
Doanh thu hoạt động tài chính	21		11.301.321	21.010.642
Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		276.609.573	563.108.469
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		935.795.734	1.466.479.183
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(878.643.223)	(132.310.083)
Thu nhập khác	31		-	143.909.090
Chi phí khác	32		-	6.149.545
Lợi nhuận khác	40		-	137.759.545
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(878.643.223)	5.449.462
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(878.643.223)	5.449.462